TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NGHỆ AN** Bản án số: 17/2022/DS-ST Ngày: 28-9-2022 V/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NGHỆ AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Đình Nguyện.

Bà H Thị Thúy Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Đặng Trường Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An xét xử sơ công khai vụ án thụ lý số: 37/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021 về "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 20/2022/QĐXX-ST, ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn***:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Th (VPBank). Địa chỉ: Số 89 đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Huy H – Chuyên viên xử lý nợ; theo Văn bản ủy quyền số 2544/2021/UQ-LCC-KHCNMB2 ngày 17/9/2021 của Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng TMCP Việt Nam Th. Có mặt.

- *Bị đơn***:** Anh Nguyễn Xuân D, sinh năm 1989; nơi ĐKHKTT: Xóm 2B (nay là xóm 5), xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 24/9/2021, Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện Nguyên đơn trình bày*:

Anh Nguyễn Xuân D có ký Hợp đồng tín dụng và Giấy đăng ký kiêm hợp

đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử vay vốn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Th – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số LN171227042283/HCM/HĐTD ngày 16/01/2018: Số tiền 507.500.000 đồng; thời hạn vay 72 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay; mục đích vay: Mua xe ô tô VEAM HD800 mới 100%; lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 9,4%/năm. Lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm; ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiền là ngày 16/7/2018, mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng lãi suất tiết kiệm 24 tháng trả lãi sau bậc thang cao nhất của bên Ngân hàng đang áp dụng thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 5,5%/năm.

Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn; Tiền lãi chậm: Bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Tài sản bảo đảm cho khoảnvay trên là: Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN171227042283/HCM/HĐTD ngày 14/01/2018, anh Nguyễn Xuân D đã thế chấp tài sản là: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu VEAM, số loại HD800MB, số khung B17XHML01585, số máy D4DBHJ642839, Biển kiểm soát 37C-274.89, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 065060 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 05/01/2018, tên chủ xe Nguyễn Xuân D, sinh năm 1989, địa chỉ: Xóm 2B, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số CFTVN/0100325/201902/982122 ngày 21/02/2019: Số tiền vay: 112.000.000 đồng; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 20%/năm; lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Sau khi ký kết hợp đồng thì Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho anh Nguyễn Xuân D theo đúng hợp đồng đã ký kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Nguyễn Xuân D đã thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 28/9/2022 số tiền 633.563.412 đồng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số LN171227042283/HCM/HĐTD ngày 16/01/2018: Đã trả tổng số tiền: 513.523.462 đồng (trong đó tiền gốc: 437.499.986 đồng và tiền lãi: 76.023.476 đồng).

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số CFTVN/0100325/201902/982122 ngày 21/02/2019: Đã trả tổng số tiền: 120.039.950 đồng (trong đó tiền gốc: 112.000.000 đồng và tiền lãi: 8.039.950 đồng).

Tính đến ngày 28/9/2022, anh Nguyễn Xuân D còn nợ Ngân hàng với tổng số tiền 361.574.948 đồng, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số LN171227042283/HCM/HĐTD ngày 16/01/2018: Còn nợ tổng số tiền: 275.729.165 đồng (trong đó tiền gốc: 70.000.014 đồng và tiền lãi: 205.729.151đồng).

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số CFTVN/0100325/201902/982122 ngày 21/02/2019: Còn nợ tổng số tiền: 85.845.783 đồng tiền lãi.

Ngân hàng TMCP Việt Nam Th đề nghị Tòa án buộc anh Nguyễn Xuân Dthanh toán toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi trên cho Ngân hàng. Nếu anh Nguyễn Xuân D không trả được số nợ trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Xuân D đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xửcăn cứ vào các Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 323, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Th; buộc anh Nguyễn Xuân D phải thanh toán toàn bộ số nợ cho Ngân hàng theo các hợp đồng đã ký kết; trường hợp anh Nguyễn Xuân D không trả được số nợ trên thì Ngân hàng có quyền phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại

phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP Việt Nam Th yêu cầu anh Nguyễn Xuân Dcó nơi ĐKHKTT tại xóm 2B (nay là xóm 5), xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N theo quy định Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Nguyên đơn đều có mặt.

Về sự vắng mặt của Bị đơn: Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc của Bị đơn; sau khi thu lý, Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho Bị đơn nhưng Bị đơn không còn cư trú theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp và việc Bị đơn thay đổi nơi cư trú, làm việc gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho Nguyên đơn biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình dấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung; tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo đúng quy định.

[2]. Về nội dung: Anh Nguyễn Xuân D có ký hợp đồng tín dụng và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử vay vốn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Th – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số LN171227042283/HCM/HĐTD ngày 16/01/2018: Số tiền 507.500.000đồng; thời hạn vay 72 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngàybên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay; mục đích vay: Mua xe ô tô VEAM HD800 mới 100%; Lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 9,4%/năm. Lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm; ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiền là ngày 16/7/2018, mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng lãi suất tiết kiệm 24 tháng trả lãi sau bậc thang cao nhất của bên Ngân hàng đang áp dụng thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 5,5%/năm.Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn; Tiền lãi chậm: Bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số

CFTVN/0100325/201902/982122 ngày 21/02/2019: Số tiền vay: 112.000.000 đồng; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 20%/năm; lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Nguyễn Xuân D đã thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 28/9/2022 tổng số tiền là 633.563.412 đồng (trong đó 549.499.986 đồng tiền gốc và 84.063.426 đồng tiền lãi).

Tính đến ngày 28/9/2022, anh Nguyễn Xuân D còn nợ Ngân hàng, tổng số tiền: 361.574.948 đồng (trong đó, nợ gốc: 70.000.014 đồng; nợ lãi trong hạn: 4.548.461 đồng; lãi quá hạn: 287.026.473 đồng).

Xét Hợp đồng tín dụng và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử được ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng, không thực hiện thanh toán nợ cho Ngân hàng theo đúng kỳ hạn như đã cam kết. Hợp đồng tín dụng số LN171227042283/HCM/HĐTD ngày 16/01/2018 đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 16/7/2019; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 12/8/2019. Do đó, anh Nguyễn Xuân D đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 4 của Hợp đồng tín dụng số LN171227042283/HCM/HĐTD ngày 16/01/2018 và tại Điều 4 Mục VI về "xác nhận và cam kết của khách hàng" tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số CFTVN/0100325/201902/982122 ngày 21/02/2019. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn thanh toán tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 28/9/2022 là 361.574.948 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 29/9/2022 cho đến khi khách hàng trả hết nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử đã ký kết là có căn cứ cần chấp nhận.

Xét hợp đồng thế chấp số LN171227042283/HCM/HĐTD ngày 14/01/2018, anh Nguyễn Xuân D đã thế chấp tài sản là: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu VEAM, số loại HD800MB, số khung B17XHML01585, số máy D4DBHJ642839, Biển kiểm soát 37C-274.89, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 065060 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 05/01/2018, tên chủ xe Nguyễn Xuân D, sinh năm 1989, địa chỉ: Xóm 2B, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Việc thế chấp này đã Đăng ký giao dịch đảm bảo tại

Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định tại các Điều 299, Điều 317, Điều 322, khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự. Do đó, Hợp đồng thế chấp nêu trên có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp anh Nguyễn Xuân D trả xong nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số LN171227042283/HCM/HĐTD ngày 16/01/2018 thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho anh Nguyễn Xuân D Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 065060 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 05/01/2018.

Trường hợp anh Nguyễn Xuân D không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô sốLN171227042283/HCM/HĐTD ngày 14/01/2018 là: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu VEAM, số loại HD800MB, số khung B17XHML01585, số máy D4DBHJ642839, Biển kiểm soát 37C-274.89, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 065060 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 05/01/2018, tên chủ xe Nguyễn Xuân D.

Trường hợp số tiền xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết toàn bộ khoản nợ trêncho Hợp đồng tín dụng số LN171227042283/HCM/HĐTD ngày 16/01/2018 thì anh Nguyễn Xuân D phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền còn thiếu. Trường hợp số tiền phát mãi tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn số tiền anh Nguyễn Xuân D còn nợ của Ngân hàng thì số tiền còn lại sau khi thanh toán khoản vay được trả cho người thế chấp tài sản.

[4]. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ cácĐiều 299, 302, 303, 317, 318, 322; khoản 7, Điều 323, Điều 463 của Bộ luật Dân sự; Điều 91và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Căn cứ Điều 56, khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP, ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định về giao dịch bảo đảm;Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Th.

1. Buộc anh Nguyễn Xuân D phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Th

theo Hợp đồng tín dụng số LN171227042283/HCM/HĐTD ngày 16/01/2018 số tiền: 275.729.165 đồng (trong đó, nợ gốc: 70.000.014 đồng; nợ lãi: 205.729.151 đồng) và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số CFTVN/0100325/201902/982122 ngày 21/02/2019 số tiền: 85.845.783 đồng. Tổng số tiền phải trả là 361.574.948 đồng (trong đó, nợ gốc: 70.000.014 đồng; nợ lãi: 291.574.934 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (29/9/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp anh Nguyễn Xuân D trả xong nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số LN171227042283/HCM/HĐTD ngày 16/01/2018 thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho anh Nguyễn Xuân D Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 065060 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 05/01/2018.

Trường hợp anh Nguyễn Xuân D không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN171227042283/HCM/HĐTD ngày 14/01/2018 là: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu VEAM, số loại HD800MB, số khung B17XHML01585, số máy D4DBHJ642839, Biển kiểm soát 37C-274.89, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 065060 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 05/01/2018, tên chủ xe Nguyễn Xuân D.

Trường hợp số tiền xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết toàn bộ khoản nợ trên cho Hợp đồng tín dụng số LN171227042283/HCM/HĐTD ngày 16/01/2018 thì anh Nguyễn Xuân D phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền còn thiếu. Trường hợp số tiền phát mãi tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn số tiền anh Nguyễn Xuân D còn nợ của Ngân hàng thì số tiền còn lại sau khi thanh toán khoản vay được trả cho người thế chấp tài sản.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Xuân D phải chịu 18.078.747 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Th số tiền 17.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004478 ngày 08/11/2021 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nghệ An.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được

niêm iết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- VKSND tỉnh Nghệ An.
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu HSVA; VPTA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huy Mạnh